TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
Tỉnh Bến Tre

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **104**/2025/DS-ST
Ngày: 19/6/2025
V/v tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Khắc Hiệp
2. Bà Nguyễn Thị Mỹ Duyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Hữu Văn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 116/2025/TLST-DS ngày 27/3/2025 về tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2025/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 100/2025/QĐST-DS ngày 09/6/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Hoàng V, sinh năm 1979. Nơi cư trú: số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Đại diện theo ủy quyền của ông V: ông Nguyễn Dương Kim H, sinh năm 1964. Nơi cư trú: số D, cư xá P, phường A, quận F, Thành Phố Hồ Chí Minh. (có đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Võ Văn P, sinh năm 1971 và bà Trần Thị N, sinh năm 1973. Cùng nơi cư trú: số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 19/3/2025, đơn xin vắng mặt; đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V là ông Nguyễn Dương Kim H trình bày:

Nguyên từ năm 2016 đến năm 2020 ông Võ Văn P, bà Trần Thị N có thoả thuận mua bán thức ăn nuôi tôm thuốc thú y thuỷ sản tại hộ kinh doanh cá thể của ông Phạm Hoàng V với thoả thuận bằng lời nói ông V cung cấp nợ vật tư cho hộ nuôi đến hết một vụ tôm, hộ nuôi phải trả tiền dứt điểm trong vụ đó. Hình thức giao dịch, hộ nuôi nhận vật tư khi có nhu cầu tại nhà ông V (hoặc ông V giao tại vuông nuôi) và ký vào sổ nợ. Cuối vụ tổng kết hai bên và trả tiền. Thực hiện hợp đồng, ông V cung cấp đủ số lượng vật tư khi có yêu cầu nhưng phía hộ nuôi không thực hiện

đúng như hợp đồng mà mỗi vụ còn nợ lại một ít.

Đến ngày 13/5/2020 hai bên tổng kết lại thì ông P, bà N có ký xác nhận còn nợ ông V số tiền 127.202.000 đồng.

Đến nay nhận thấy quyền và lợi ích hợp pháp của ông V bị xâm phạm nên làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết như sau: buộc ông Võ Văn P, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền nợ gốc 127.202.000 đồng; không yêu cầu tính lãi.

Ông V xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện với số tiền 26.394.000 đồng.

Bị đơn ông Võ Văn P, bà Trần Thị N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử: Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký: Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92, khoản 2 Điều 244, Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Áp dụng các Điều 288, 430, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V. Buộc ông Võ Văn P, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Hoàng V số tiền 127.202.000 đồng.

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V với số tiền 26.394.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn ông Phạm Hoàng V tranh chấp "*Hợp đồng mua bán tài sản"* với bị đơn ông Võ Văn P, bà Trần Thị N theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V là ông Nguyễn Dương Kim H có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Võ Văn P, bà Trần Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng mua bán tài sản giữa nguyên đơn ông Phạm Hoàng V với bị đơn ông Võ Văn P, bà Trần Thị N được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 430 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì ông Phạm Hoàng V có cung cấp cho Toà án Bản chính Giấy xác nhận nợ ngày 13/5/2020 có nội dung thể hiện vợ chồng ông Võ Văn P, bà Trần Thị N còn nợ lại số tiền 127.202.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Xét thấy từ khi Toà án thụ lý giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Võ Văn P, bà Trần Thị N nhưng ông P, bà N không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hoàng V nên xem như ông P, bà N đã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền như ông V khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì ông V có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Về lãi suất: Ông V rút lại yêu cầu tính lãi nên Hội đồng xét xử quyết định đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V với số tiền 26.394.000 đồng.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 430, 434 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V. Buộc ông Võ Văn P, bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông V số tiền 127.202.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm lẻ hai nghìn) đồng.

[6] Về án phí: Buộc ông P, bà N phải có nghĩa vụ liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 92, 147, khoản 2 Điều 244, điểm c khoản 1 Điều 217, các Điều 227, 228, 238, 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 288, 430, 434, 440 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hoàng V. Buộc ông Võ Văn P, bà Trần Thị N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Phạm Hoàng V số tiền 127.202.000 (Một trăm hai mươi bảy triệu, hai trăm lẻ hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông V với số tiền 26.394.000 đồng.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc ông Võ Văn P, bà Trần Thị N có nghĩa vụ liên đới nộp số tiền 6.360.000 (Sáu triệu, ba trăm sáu mươi nghìn) đồng.

Ông Phạm Hoàng V được Chi cục thi hành án dân sự huyện T hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.840.000 (Ba triệu, tám trăm bốn mươi nghìn) đồng theo biên lai thu số 0010930, ngày 26 tháng 3 năm 2025.

4. Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được tống đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Toà án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Hữu Lộc

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).